

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên  
 Cơ quan quản lý cấp trên: Tỉnh Thái Nguyên  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Văn Hán  
 Mã đơn vị: T55532  
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 04b-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 112 /QĐ - UBND ngày 31/01/2026 của UBND xã Văn Hán)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m<sup>2</sup>; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng	Bỏ trống/ không sử	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I</b>	<b>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp</b>	<b>225</b>	<b>97.880,79</b>	<b>154.590.856,30</b>	<b>107.161.073,56</b>	<b>75.412,00</b>				
<i>1.1</i>	<i>Đất</i>	<i>56</i>	<i>63.453,80</i>	<i>46.745.058,04</i>	<i>46.745.058,04</i>	<i>63.453,80</i>				
T55532001-101-56	Đất trụ sở thuê cũ	1	120,00	168.000,00	168.000,00	120,00				
T55532001-101-57	Đất trụ sở	1	11.113,00	15.558.200,00	15.558.200,00	11.113,00				
T55042008043-10201-19	Đất điểm trường Hòa Khê 2	1	1.682,50	370.150,00	370.150,00	1.682,50				
T55532001-10201-332	Đất Phả Lý	1	442,30	84.037,00	84.037,00	442,30				
T55042008200-10201-62	Đất Khu Đèo Khê	1	1.333,00	1.173.040,00	1.173.040,00	1.333,00				
T55042008043-10201-16	Đất điểm trường Làng Hòa	1	1.647,80	823.900,00	823.900,00	1.647,80				
T55042008200-10201-7	Đất khu trung tâm	1	1.919,00	2.110.900,00	2.110.900,00	1.919,00				
T55042008042-10201-15	Đất Cầu Mai	1	2.802,40	1.120.960,00	1.120.960,00	2.802,40				
T55042008042-10201-13	Đất điểm trường Cầu Mai	1	4.109,20	1.643.680,00	1.643.680,00	4.109,20				
T55042008043-10201-17	Đất điểm trường Hòa Khê 1	1	1.169,50	257.290,00	257.290,00	1.169,50				
T55532001-10201-334	Đất Văn Hòa	1	444,40	84.436,00	84.436,00	444,40				
T55042008042-10201-12	Đất điểm trường Văn Hòa	1	1.114,40	557.200,00	557.200,00	1.114,40				
T55042008042-10201-16	Đất điểm trường Thịnh Đức	1	1.734,20	867.100,00	867.100,00	1.734,20				
T55042008042-10201-14	Đất điểm trường Văn Hán	1	543,40	103.246,00	103.246,00	543,40				
T55532001-10201-249	Đất điểm trường La Đàn	1	1.800,60	396.132,00	396.132,00	1.800,60				
T55042008042-10201-149	Đất điểm trường Cầu Mai	1	184,20	110.520,00	110.520,00	184,20				
T55532001-10201-335	Đất La Dùm	1	318,20	60.458,00	60.458,00	318,20				
T55532001-10201-247	Đất điểm trường Ba Quả	1	694,00	132.580,00	132.580,00	694,00				
T55042008040-10201-30	Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp GD	1	3.855,00	4.240.500,00	4.240.500,00	3.855,00				
T55532001-10201-331	Đất Cầu Mai	1	495,10	94.069,00	94.069,00	495,10				
T55042008200-10201-6	Đất khu Ao Rôm	1	1.064,00	1.170.400,00	1.170.400,00	1.064,00				
T55532001-10201-333	Đất La Đàn	1	409,20	77.748,00	77.748,00	409,20				
T55532001-10203-68	Đất nhà văn hóa xóm Thịnh Đức 2	1	177,30	54.963,00	54.963,00	177,30				

T55532001-10203-55	Đất nhà văn hóa xóm Làng Hòa	1	1.264,30	391.933,00	391.933,00	1.264,30			
T55532001-10203-69	Đất nhà văn hóa xóm Cầu Mai	1	434,50	134.695,00	134.695,00	434,50			
T55532001-10203-231	Đất nhà văn hóa xóm Khe Mo 2	1	224,00	69.440,10	69.440,10	224,00			
T55532001-10203-225	Đất nhà văn hóa xóm Thống Nhất	1	361,00	111.910,00	111.910,00	361,00			
T55532001-10203-227	Đất nhà văn hóa xóm La Đường	1	314,00	97.340,00	97.340,00	314,00			
T55532001-10203-216	Đất nhà văn hóa xóm La Nưa	1	399,00	123.690,00	123.690,00	399,00			
T55532001-10203-221	Đất nhà văn hóa xóm La Dãy	1	501,00	155.310,00	155.310,00	501,00			
T55532001-10203-290	Đất nhà văn hóa xóm La Đàn	1	339,30	105.183,00	105.183,00	339,30			
T55532001-10203-53	Đất nhà văn hóa xóm La Đùm	1	419,70	130.107,00	130.107,00	419,70			
T55532001-10203-61	Đất nhà văn hóa xóm Hòa Khê 1	1	441,50	136.865,00	136.865,00	441,50			
T55532001-10203-223	Đất nhà văn hóa xóm Hải Hà	1	937,00	562.200,00	562.200,00	937,00			
T55532001-10203-67	Đất nhà văn hóa xóm Văn Hòa	1	112,20	34.782,00	34.782,00	112,20			
T55532001-10203-226	Đất nhà văn hóa xóm Làng Cháy	1	1.161,00	359.910,00	359.910,00	1.161,00			
T55532001-10203-222	Đất nhà văn hóa xóm Đèo Khê	1	380,00	117.800,00	117.800,00	380,00			
T55532001-10203-217	Đất nhà văn hóa xóm Khe Mo 1	1	651,00	201.810,00	201.810,00	651,00			
T55532001-10203-224	Đất nhà văn hóa xóm Long Giàn	1	250,00	200.000,00	200.000,00	250,00			
T55532001-10203-64	Đất nhà văn hóa xóm Làng Cà	1	545,30	169.043,00	169.043,00	545,30			
T55532001-10203-228	Đất nhà văn hóa xóm Tiền Phong	1	495,00	153.450,00	153.450,00	495,00			
T55532001-10203-63	Đất nhà văn hóa xóm Thái Hưng	1	454,30	140.833,00	140.833,00	454,30			
T55532001-10203-62	Đất nhà văn hóa xóm Thịnh Đức 1	1	94,30	29.233,00	29.233,00	94,30			
T55532001-10203-66	Đất nhà văn hóa xóm Hòa Khê 2	1	367,70	113.987,00	113.987,00	367,70			
T55532001-10203-218	Đất nhà văn hóa xóm Ao Rôm 1	1	210,00	65.224,00	65.224,00	210,00			
T55532001-10203-58	Đất nhà văn hóa xóm Văn Hán	1	747,70	231.787,00	231.787,00	747,70			
T55532001-10203-220	Đất nhà văn hóa xóm Dọc Hèo	1	424,00	131.440,00	131.440,00	424,00			
T55532001-10203-60	Đất nhà văn hóa xóm Phá Lý	1	121,80	37.758,00	37.758,00	121,80			
T55532001-10203-65	Đất nhà văn hóa xóm Ấp Chè	1	236,60	189.280,00	189.280,00	236,60			
T55532001-10203-230	Đất nhà văn hóa xóm Ao Rôm 2	1	1.153,00	357.430,00	357.430,00	1.153,00			
T55532001-10203-219	Đất nhà văn hóa xóm Ao Đậu	1	902,00	902.000,00	902.000,00	902,00			
T55532001-10203-229	Đất nhà văn hóa xóm Ao Rôm 1	1	707,00	219.263,00	219.263,00	707,00			
T55532001-10204-215	Đất khu thể thao xã Khe Mo	1	1.752,00	729.885,94	729.885,94	1.752,00			
T55532001-10209-59	Đất chợ Văn Hán	1	4.144,60	5.802.440,00	5.802.440,00	4.144,60			
T55532001-101-214	Đất chợ Khe Mo	1	3.500,00	3.185.000,00	3.185.000,00	3.500,00			
T55532001-10209-352	Đất trạm kiểm lâm Khe Mo	1	236,30	94.520,00	94.520,00	236,30			
<i>1.2</i>	<i>Nhà</i>	<i>77</i>	<i>11.922,20</i>	<i>46.698.976,62</i>	<i>23.984.375,76</i>	<i>11.922,20</i>			
T55532001-204-181	Nhà Văn hóa trung tâm xã và 4 phòng chức năng	1	300,00	3.132.684,00	2.130.225,12	300,00			
T55532001-204-89	Nhà một cửa, nhà hội trường UBND xã Văn Hán	1	130,00	1.928.013,00	1.156.807,80	130,00			
T55532001-204-177	Trụ sở làm việc 2 tầng	1	150,00	2.903.889,00	2.182.381,12	150,00			

T55532003-204-84	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	1	736,00	4.627.373,00	4.442.278,08	736,00			
T55532001-205-94	Nhà văn hóa xóm Thịnh Đức 2	1	110,00	64.425,53	51.533,98	110,00			
T55532001-205-101	Cải tạo,nâng cấp đường bê tông, sân công, kê đá hàng rào tru sở UBND xã	1	100,00	1.046.915,00	418.504,27	100,00			
T55532001-205-73	Nhà Văn Hóa xóm Ấp Chè	1	80,00	83.384,52	66.699,28	80,00			
T55532001-205-150	Nhà Văn Hóa xóm Làng Cà	1	120,00	92.581,16	74.055,67	120,00			
T55042008043-205-39	Sửa chữa cải tạo nhà lớp học 2 tầng	1	432,00	100.000,00	20.110,00	432,00			
T55042008042-205-4	Nhà công vụ Cầu Mai C6	1	198,00	490.484,00	2.060,03	198,00			
T55042008042-205-120	Nhà lớp học 2 tầng Cầu Mai	1	91,20	4.294.084,00	3.148.575,75	91,20			
T55042008043-205-40	Nhà lớp học Làng Hòa	1	432,00	937.000,00		432,00			
T55042008042-205-9	Nhà lớp học Plan Cầu Mai C3	1	279,00	296.000,00		279,00			
T55532001-205-174	Nhà Văn hóa xóm La Đùm	1	150,00	430.174,00	200.652,71	150,00			
T55532001-205-337	Nhà lớp học La Đàn	1	100,00	60.000,00		100,00			
T55532001-205-349	Nhà vệ sinh C6	1	15,00	15.000,00		15,00			
T55532001-205-204	Nhà làm việc đội thuế cũ	1	68,00	89.784,52		68,00			
T55532001-205-127	Nhà Văn hóa xóm Văn Hán	1	90,00	43.595,99	34.872,44	90,00			
T55532001-205-84	Nhà văn hóa xóm Ba Quả	1	55,00	10.915,00	3.635,30	55,00			
T55532001-205-343	Nhà vệ sinh La Đàn	1	15,00	20.000,00		15,00			
T55042008042-205-90	Nhà lớp học Thịnh Đức	1	160,00	1.381.596,08	920.886,93	160,00			
T55532001-205-173	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Ấp Chè xã Văn Hán	1	115,00	127.390,66	101.899,79	115,00			
T55042008043-205-34	Nhà vệ sinh điểm trường Hòa Khê 2	1	35,00	148.862,04		35,00			
T55042008043-205-91	Nhà vệ sinh học sinh điểm trường Làng Hòa	1	25,00	165.099,19	132.062,84	25,00			
T55042008040-205-37	Bếp ăn bán trú học sinh 2016	1	60,00	115.000,00	38.302,19	60,00			

T55532001-205-345	Nhà bếp + nhà vệ sinh A3	1	45,00	30.000,00		45,00			
T55532001-205-70	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm La Đàn xã Văn Hán	1	120,00	150.852,45	120.666,87	120,00			
T55042008040-205-16	Nhà lớp học 2 tầng	1	960,00	3.280.000,00	873.698,29	960,00			
T55042008042-205-5	Nhà lớp học Cầu Mai C1	1	182,00	290.834,37	153.474,93	182,00			
T55042008040-205-13	Nhà bảo vệ	1	30,00	31.433,50	4.266,15	30,00			
T55042008040-205-14	Nhà hiệu bộ - văn phòng	1	350,00	420.278,00	57.040,13	350,00			
T55532001-205-129	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Văn Hán xã Văn Hán	1	120,00	209.195,09	167.335,15	120,00			
T55532001-205-244	Nhà lớp học xóm Ba Quả	1	108,00	134.000,00		108,00			
T55532001-205-347	Nhà phòng học La Đùm A1	1	100,00	70.000,00		100,00			
T55042008042-205-30	Nhà hiệu bộ Cầu Mai C5	1	138,00	710.315,69	96.404,04	138,00			
T55532001-205-341	Nhà phòng học Văn Hòa A3	1	100,00	70.000,00		100,00			
T55532001-205-116	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Ba Quả xã Văn Hán	1	130,00	113.349,39	90.668,17	130,00			
T55532001-205-245	Nhà phòng học 3 phòng điếm trường La Đàn	1	162,00	171.000,00		162,00			
T55532001-205-80	Nhà văn hóa xóm Hòa Khê 1	1	150,00	433.857,00	202.370,62	150,00			
T55532001-205-340	Nhà bếp xóm Phả Lý	1	45,00	18.000,00		45,00			
T55042008042-205-124	Nhà đa chức năng	1	125,00	46.217,00	36.968,98	125,00			
T55532001-205-344	Nhà vệ sinh xóm Phả Lý	1	45,00	20.000,00		45,00			
T55042008043-205-30	Dãy nhà Hội đồng (5 phòng)	1	70,00	98.745,95		70,00			
T55042008200-205-12	Nhà phòng học + phòng chức năng	1	250,00	2.689.295,67	841.453,43	250,00			
T55042008042-205-10	Nhà lớp học Thịnh Đức	1	157,00	73.000,00		157,00			
T55042008042-205-66	Nhà lớp học 2 tầng	1	384,00	1.969.011,00	918.445,18	384,00			
T55042008042-205-44	Nhà vệ sinh Thịnh Đức	1	12,00	60.000,00	19.983,75	12,00			

T55042008043-205-25	Nhà lớp học 3 phòng điểm trường Hòa Khê 1	1	70,00	11.678,00		70,00			
T55532001-205-136	Nhà hội trường cấp 4	1	50,00	65.200,00		50,00			
T55532001-205-250	Nhà lớp học 2 phòng điểm trường La Đàn	1	70,00	11.678,00		70,00			
T55042008040-205-15	Nhà Công vụ 4 gian	1	105,00	450.000,00	61.074,00	105,00			
T55532001-205-205	Nhà văn hóa xóm Hòa Khê 2	1	120,00	111.355,37	89.073,16	120,00			
T55532001-205-197	Nhà văn hóa xóm Cầu Mai	1	112,00	102.251,42	81.790,91	112,00			
T55042008200-205-28	Nhà lớp học 4 phòng + bếp ăn 1 chiều điểm trường Đèo Khê	1	556,00	3.693.998,00	1.723.065,37	556,00			
T55532001-205-348	Nhà bếp La Đàn	1	45,00	18.000,00		45,00			
T55532001-205-346	Nhà lớp học Cầu Mai	1	100,00	60.000,00		100,00			
T55532001-205-232	Nhà văn hóa trung tâm xã và 4 phòng chức năng xã Khe Mo	1	600,00	3.823.918,00	1.783.666,55	600,00			
T55042008040-205-10	Nhà hội đồng	1	80,00	66.239,00		80,00			
T55532001-205-316	Nhà làm việc Trạm Kiểm lâm Khe Mo	1	160,00	1.786.437,43	952.430,99	160,00			
T55532001-205-165	Nhà làm việc cấp 4	1	50,00	52.000,00		50,00			
T55042008042-205-8	Nhà lớp học Plan Văn Hán C9	1	116,00	497.217,00	2.088,31	116,00			
T55532001-205-180	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm La Đùm xã Văn Hán	1	75,00	69.217,42	55.367,01	75,00			
T55532001-205-342	Nhà vệ sinh Cầu Mai	1	15,00	20.000,00		15,00			
T55042008043-205-28	Nhà lớp học 2 phòng Hòa Khê 1	1	180,00	340.000,00		180,00			
T55042008043-205-37	Dãy nhà chức năng (5 phòng)	1	70,00	36.250,00		70,00			
T55532001-205-339	Nhà bếp + nhà vệ sinh A1	1	45,00	30.000,00		45,00			
T55532001-205-157	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Hòa Khê 1 xã Văn Hán	1	160,00	173.871,93	139.080,15	160,00			
T55532001-205-336	Nhà bếp Cầu Mai	1	45,00	18.000,00		45,00			
T55532001-205-184	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Cầu Mai xã Văn Hán	1	150,00	138.427,50	110.728,16	150,00			

T55532001-205-338	Nhà lớp học mẫu giáo Phả Lý	1	100,00	90.000,00		100,00			
T55532001-205-154	Xây dựng mái tôn sân nhà văn hóa xóm Làng Cả xã Văn Hán	1	120,00	221.783,11	177.404,31	120,00			
T55042008043-205-35	Nhà vệ sinh điểm trường Hòa Khê 1	1	35,00	5.839,00		35,00			
T55042008043-205-27	Nhà lớp học 3 phòng điểm Hòa Khê 2	1	180,00	410.609,84		180,00			
T55042008042-205-7	Nhà lớp học Văn Hòa C7	1	375,00	516.182,00		375,00			
T55532001-205-208	Nhà văn hóa xóm Làng Hòa	1	112,00	78.440,86	62.744,84	112,00			
T55532001-205-192	Nhà Văn Hóa xóm La Đàn	1	72,00	46.934,63	37.543,01	72,00			
T55042008042-205-6	Nhà lớp học Văn Hán C8	1	125,00	59.812,31		125,00			
1.3	<i>Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác</i>	92	22.504,79	61.146.821,64	36.431.639,76	36,00			
T55532003-301-100	Sân gạch xi măng phía trước dãy nhà 2 tầng cũ	1	415,50	83.100,00	78.945,00	1,00			
T55532000-301-107	Mái tôn nhà xe điểm Hòa Khê 1	1	80,00	18.064,20	17.160,99	1,00			
T55042008040-301-79	Sân gạch cầu lông	1	175,00	22.750,00	20.475,00	1,00			
T55042008200-301-84	Sân gạch trung tâm	1	170,00	45.735,00	43.448,25	1,00			
T55042008043-303-92	Giếng khoan điểm trường Làng Hòa	1	50,00	13.745,00	9.621,50				
T55532001-303-351	Giếng khoan trạm kiểm lâm Khe Mo	1	50,00	18.000,00	3.600,00	1,00			
T55532024-304-70	Đường bê tông xóm Phả Lý, xã Văn Hán	1	0,00	158.977,84	111.284,48	1,00			
T55532024-304-118	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1	1	0,00	168.465,00	67.386,00				
T55532024-304-11	Công trình Chợ Văn Hán (Dãy kiot chợ và sân bê tông)	1	400,00	107.997,07		1,00			
T55532024-304-74	Xây kê khắc phục sạt lở mái taluy đường giao thông xóm Hòa Khê 2 xã Văn Hán	1	0,00	127.143,90	89.000,73	1,00			
T55532024-304-112	Đường bê tông xóm La Đùm, xã Văn Hán	1	350,00	207.368,00	145.157,60	1,00			
T55532024-304-69	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 2), xã Văn Hán	1	380,00	211.816,82	105.908,41				
T55532024-304-133	Đường bê tông xóm Đoàn Lâm	1	1.200,00	253.772,00	25.377,20				

T55532024-304-125	Đường bê tông xóm Ấp Chè, xã Văn Hán	1	500,00	319.118,00	223.382,60	1,00				
T55042008043-304-89	Sân lát gạch điểm trường Hòa Khê 2	1	245,00	54.750,00	38.325,00					
T55532024-304-107	Đường bê tông xóm Thái Hưng	1	1.200,00	372.190,00	37.219,00					
T55042008040-304-80	Mái vòm thư viện ngoài trời	1	65,00	14.950,00	11.960,00	1,00				
T55532024-304-130	Đường bê tông liên xóm Ba Quả - Thịnh Lâm, xã Văn Hán	1	0,00	515.282,67	309.169,60					
T55532024-304-123	Đường bê tông liên xóm Thịnh Lâm - Thịnh Đức 1, xã Văn Hán	1	0,00	221.520,32	132.909,19					
T55532024-304-132	Đường bê tông xóm Ấp Chè	1	0,00	84.232,00	33.692,80					
T55532001-304-248	Mái tôn liên doanh điểm trường La Đàn	1	0,00	150.000,00	30.000,00					
T55532024-304-137	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2	1	450,00	318.034,00	95.409,60					
T55532024-304-87	Đường bê tông xóm Văn Hòa	1	400,00	326.611,00	32.661,10					
T55532024-304-112	Đường bê tông xóm La Đùm, xã Văn Hán	1	300,00	167.223,80	117.056,66					
T55532024-304-144	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1	1	1.000,00	687.746,00	206.323,80					
T55532024-304-147	Đường bê tông liên xóm Cầu Mai - La Đùm, xã Văn Hán	1	0,00	193.570,99	116.142,60					
T55532024-304-93	Đường bê tông xóm Ấp Chè, xã Văn Hán	1	0,00	278.706,34	139.353,17					
T55532024-304-131	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán	1	350,00	208.694,00	146.085,80	1,00				
T55532024-304-84	Đường bê tông xóm Văn Hán	1	0,00	783.684,00	235.105,20					
T55532024-304-92	Đường bê tông xóm La Đùm (giai đoạn 2), xã Văn Hán	1	1.020,00	568.560,93	284.280,47					
T55532024-304-97	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Thịnh Đức 1 - La Đùm, xã Văn Hán	1	0,00	6.616.919,70	4.631.843,79	1,00				
T55532024-304-126	Đường bê tông xóm Phả Lý, xã Văn Hán	1	0,00	383.879,96	268.715,97	1,00				
T55532024-304-98	Tuyến đường từ xóm Thịnh Đức 1 đi xóm La Đùm, xã Văn Hán	1	0,00	4.934.079,00	3.453.855,30	1,00				
T55532024-304-140	Đường bê tông liên xóm Phả Lý - Làng Cà, xã Văn Hán	1	0,00	166.145,24	99.687,15					
T55532024-304-128	Đường bê tông xóm Thịnh Lâm, xã Văn Hán	1	0,00	317.725,23	158.862,61					

T55532024-304-136	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2	1	1.200,00	770.767,00	77.076,70				
T55532024-304-108	Đường bê tông xóm La Đùm	1	350,00	213.454,60	64.036,38				
T55042008042-304-136	Phòng thư viện xanh	1	110,00	50.300,00	40.240,00	1,00			
T55532024-304-102	Đường bê tông liên xóm Vân Hòa - Phả Lý, xã Văn Hán	1	135,00	76.376,07	53.463,25				
T55532024-304-89	Đường bê tông liên xóm Làng Hòa - Khe Mo, xã Văn Hán	1	0,00	265.901,80	159.541,08				
T55532024-304-142	Đường bê tông xóm Vân Hòa, xã Văn Hán	1	0,00	157.236,83	78.618,41				
T55532024-304-91	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 1 - Ba Quả, xã Văn Hán	1	0,00	396.024,05	237.614,43				
T55532024-304-104	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1	1	1.200,00	258.250,00	25.825,00				
T55532024-304-113	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Phả Lý - Cầu Mai - La Đùm, xã Văn Hán	1	0,00	4.654.494,00	3.258.145,80	1,00			
T55532024-304-90	Đường bê tông xóm Phả Lý, xã Văn Hán	1	0,00	107.492,24	64.495,35				
T55532024-304-66	Đường bê tông xóm Làng Hóa, xã Văn Hán	1	0,00	334.447,61	167.223,80				
T55532001-304-168	Hàng rào	1	200,00	65.200,00		1,00			
T55532024-304-109	Đường bê tông liên xóm Làng Cà - La Đàn, xã Văn Hán	1	0,00	166.145,24	99.687,15				
T55532024-304-120	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1, xã Văn Hán	1	0,00	276.912,00	166.147,28				
T55532024-304-141	Đường bê tông liên xóm Làng Cà - Ba Quả - Vân Hòa (giai đoạn 2)	1	0,00	1.197.873,00	359.361,90				
T55532024-304-96	Đường bê tông liên xóm Cầu Mai - Thịnh Lâm, xã Văn Hán	1	0,00	339.449,19	203.669,51				
T55532024-304-67	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1, xã Văn Hán	1	0,00	837.556,27	586.289,39	1,00			
T55532024-304-114	Đường bê tông xóm La Đàn	1	1.600,00	975.571,00	292.671,30				
T55532024-304-78	Đường bê tông liên xóm phả Lý - Cầu Mai, xã Văn Hán	1	0,00	442.608,47	265.592,08				
T55532024-304-143	Đường bê tông xóm Làng Hóa	1	1.200,00	429.179,00	42.917,90				
T55532024-304-77	Đường bê tông liên xóm Vân Hòa - Phả Lý	1	700,00	456.280,00	136.884,00				
T55532024-304-72	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 2	1	1.200,00	770.767,00	77.076,70				

T55532024-304-80	Đường bê tông xóm Làng Hòa, xã Văn Hán	1	0,00	488.574,49	342.002,14	1,00			
T55532024-304-101	Đường bê tông xóm Cầu Mai, xã Văn Hán	1	0,00	628.167,21	439.717,04	1,00			
T55532024-304-127	Đường bê tông xóm Văn Hòa, xã Văn Hán	1	0,00	333.853,64	233.697,55	1,00			
T55532024-304-139	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán	1	600,00	339.449,19	237.614,43				
T55532024-304-82	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Thịnh Đức 2 - Đoàn Lâm - Hòa Khê 2	1	0,00	5.342.640,00	3.739.848,00	1,00			
T55532024-304-148	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ xóm Mỹ Lập xã Nam Hòa đi xóm La Đàn xã Văn Hán	1	0,00	567.998,80	397.599,16	1,00			
T55532024-304-94	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ xóm Hòa Khê 2 xã Văn Hán đi đập Đồng Chốc xã Nam Hòa	1	0,00	3.706.767,00	2.594.736,90	1,00			
T55532024-304-71	Đường bê tông xóm La Đàn, xã Văn Hán	1	0,00	166.145,24	99.687,15				
T55532024-304-111	Đường bê tông xóm Làng Hòa	1	0,00	56.155,00	22.462,00				
T55532024-304-113	Đường bê tông liên xóm Phả Lý - Khe Mo, xã Văn Hán	1	0,00	166.145,24	99.687,15				
T55532024-304-119	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán	1	500,00	313.210,00	219.247,00	1,00			
T55532024-304-135	Đường giao thông Hòa Khê 1 - La Đàn xã Văn Hán, huyện Đông Hỷ	1	0,00	418.640,00	293.048,00	1,00			
T55532024-304-88	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán	1	530,00	295.428,72	147.714,36				
T55532024-304-83	Đường bê tông xóm Áp Chè	1	1.200,00	452.031,00	45.203,10				
T55532024-304-115	Đường bê tông xóm Làng Cà, xã Văn Hán	1	300,00	172.557,51	120.790,26	1,00			
T55532024-304-73	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1 - Ba Quả, xã Văn Hán (giai đoạn 1)	1	0,00	387.134,76	232.280,85				
T55532024-304-76	Cải tạo nâng cấp tuyến đường xóm Thịnh Lâm đi xóm Cầu Mai, xã Văn Hán, huyện Đông Hỷ	1	589,29	1.550.396,50	994.837,75				
T55532024-304-81	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1	1	0,00	357.146,00	142.858,40				
T55532000-304-105	Sân bê tông điếm trường Làng Hòa	1	100,00	70.200,00	63.180,00	1,00			
T55532024-304-95	Đường bê tông xóm Hòa Khê 1, xã Văn Hán	1	500,00	593.644,50	296.821,71				
T55532024-304-129	Đường bê tông liên xóm Ba Quả - La Đàn, xã Văn Hán	1	0,00	226.299,46	135.779,68				
T55532024-304-106	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 2 - Hòa Khê 1, xã Văn Hán	1	0,00	437.672,79	262.603,67				

T55532001-304-152	Hàng rào trụ sở mới	1	150,00	276.687,08		1,00			
T55532024-304-154	Trạm bơm điện và kênh mương xóm Đèo Khê, xã Khe Mo	1	510,00	2.052.129,00	1.128.670,95	1,00			
T55532024-304-146	Xây dựng cống qua đường giao thông khắc phục do thiên tai tại xóm Hòa Khê 2	1	0,00	878.690,70	615.083,49	1,00			
T55532024-304-68	Đường bê tông xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán	1	0,00	795.674,62	556.972,23	1,00			
T55532024-304-124	Đường bê tông xóm Phả Lý, xã Văn Hán (giai đoạn 1)	1	0,00	166.145,24	99.687,15				
T55532024-304-85	Đường bê tông xóm La Đàn, xã Văn Hán	1	0,00	837.556,27	586.289,39	1,00			
T55532024-304-99	Đường bê tông xóm Văn Hán, xã Văn Hán	1	0,00	557.412,68	278.706,34				
T55532024-304-105	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 3), xã Văn Hán	1	0,00	222.965,07	111.482,54				
T55532024-304-75	Cải tạo, nâng cấp tuyến phà lý xã Văn Hán đi xóm Thống nhất xã Khe Mo	1	0,00	4.852.301,00	3.396.610,70	1,00			
T55532024-304-79	Đường bê tông xóm Thịnh Lâm, xã Văn Hán	1	0,00	293.347,77	205.343,44	1,00			
T55532024-304-100	Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 1), xã Văn Hán	1	430,00	239.687,45	119.843,68				
T55532024-304-110	Đường bê tông xóm Ba Quả	1	400,00	258.250,00	25.825,00				
T55532024-304-145	Đường bê tông liên xóm Hòa Khê 1 - La Đàn, xã Văn Hán	1	0,00	282.874,32	169.724,60				
<b>2</b>	<b>Xe ô tô</b>	<b>1</b>		<b>815.796,00</b>		<b>1,00</b>			
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	1		815.796,00		1,00			
T55532025003-40201-7	TOY 20B-3699	1		815.796,00		1,00			
<b>4</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>193</b>		<b>5.218.848,80</b>	<b>2.385.609,62</b>	<b>134,00</b>			<b>3,00</b>
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	89		1.831.879,58	396.265,78	67,00			3,00
T55042008042-60101-144	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55532022-60101-18	Máy tính (tinh chuyên)	1		13.843,10		1,00			
T55042008042-60101-140	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55532022-60101-17	Máy tính (tinh chuyên)	1		13.843,10		1,00			
T55532001-60101-355	Máy tính để bàn Xigmatek XA-20, màn hình	1		12.750,00	10.200,00	1,00			
T55532022-60301-5	Bộ máy vi tính	1		17.500,00	14.000,00	1,00			
T55042008042-60101-142	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55042008042-60101-139	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55532001-60101-310	Máy vi tính để bàn CMS	1		12.500,00	5.000,00	1,00			
T55042008042-60101-85	Máy tính để bàn phòng cấp 2020	1		14.540,00					
T55532025003-60101-25	Máy tính để bàn CMS	1		12.500,00	5.000,00	1,00			
T55532025003-60101-24	Máy tính	1		12.500,00	5.000,00	1,00			

T55042008042-60101-146	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55532025003-60101-21	Máy tính	1		13.843,10		1,00			
T55042008042-60101-141	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55532001-60101-353	Máy tính để bàn Đông Nam Á (mainboard	1		10.000,00	8.000,00	1,00			
T55042008043-60101-71	Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam CMS	1		108.860,00					
T55532001-60101-289	Máy vi tính để bàn	1		13.740,00					
T55532022-60101-14	Máy tính để bàn CMS	1		12.500,00	5.000,00	1,00			
T55532022-60101-11	Máy tính để bàn	1		10.000,00	2.000,00	1,00			
T55042008040-60101-43	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam (	1		272.150,00					
T55532025003-60101-19	Máy tính	1		13.843,10		1,00			
T55532001-60101-299	Máy tính để bàn	1		13.000,00	2.600,00				
T55042008042-60101-148	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55532021-60101-4	Máy tính đồng bộ Đông Nam Á	1		11.750,00	9.400,00	1,00			
T55532024-60101-2	Máy tính để bàn	1		13.000,00	2.600,00	1,00			
T55532001-60101-354	Máy tính để bàn Đông Nam Á (mainboard	1		10.000,00	8.000,00	1,00			
T55042008042-60101-143	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55532022-60101-13	Máy tính để bàn CMS	1		12.500,00	5.000,00	1,00			
T55532025003-60101-23	Máy tính đồng bộ CMS X - Media X938-	1		13.740,00					1,00
T55532001-60101-293	Máy tính đồng bộ CMS X-Media X938- 666TN	1		13.740,00					
T55042008042-60101-147	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55532025003-60101-26	Máy tính để bàn	1		12.565,00	10.052,00	1,00			
T55532022-60101-12	Máy tính để bàn	1		14.380,00		1,00			
T55532001-60101-303	Máy vi tính để bàn CMS	1		12.500,00	5.000,00	1,00			
T55042008042-60101-145	Bộ máy tính thương hiệu Việt Nam	1		10.860,00		1,00			
T55042008043-501-13	Máy vi tính để bàn FANTOM	1		46.000,00		1,00			
T55042008040-60101-47	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu FPT-F22FAD	1		14.540,00					
T55532001-60102-326	Máy tính xách tay Dell màu bạc	1		19.990,00	15.992,00	1,00			
T55042008200-60102-52	Máy tính XT Dell Inspiron 3593C/Corei3-	1		11.242,30					
T55042008200-60102-36	Laptop Dell Inspiron 3576 cho Hiệu trưởng	1		13.490,00					
T55532025003-60102-9	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S9	1		23.430,00	9.372,00	1,00			
T55532001-60102-317	Máy tính xách tay Dell màu đen (CVP)	1		13.250,00		1,00			
T55042008042-60102-106	Máy tính PHT - Dell Hoài	1		15.000,00	3.000,00				
T55532001-60102-319	Máy tính xách HP Gaming Victus 15inch	1		19.990,00	15.992,00	1,00			
T55532025003-60102-22	Máy tính ACER XC 600	1		12.100,00					1,00
T55042008042-60102-91	MT Dell 2021	1		11.200,00					
T55042008043-60102-67	Máy tính xách tay Dell màu đen (Phó hiệu)	1		14.800,00					
T55532025003-60102-16	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00			
T55532025003-60102-14	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00			
T55532021-502-1	Máy tính xách tay Acer- Mã MT05-SNID	1		19.800,00		1,00			
T55042008040-502-38	Máy tính xách tay Lenovo U4170	1		13.850,00		1,00			
T55532025003-60102-30	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00			
T55532025003-60102-15	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00			

T55532025003-60102-11	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S9	1		23.430,00	9.372,00	1,00			
T55042008200-60102-77	Máy tính xách tay Dell Inspiron 15 3520	1		13.990,00	8.394,00	1,00			
T55042008043-60102-68	Máy tính xách tay Dell (phòng kế toán:	1		12.400,00					
T55042008042-502-65	Máy tính sách tay ASUSX540LA	1		11.000,00		1,00			
T55042008043-60102-66	Máy tính xách tay Dell đen (Phó hiệu trưởng)	1		14.800,00					
T55532025003-60102-8	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S9	1		23.430,00	9.372,00	1,00			
T55042008200-60102-53	Máy tính XT Dell Inspiron 3593C/Corei3-	1		11.242,30					
T55042008042-60102-69	Máy tính kế toán Dell 2019	1		15.000,00					
T55042008043-60102-97	Máy tính xách tay Dell màu bạc	1		14.300,00	8.580,00	1,00			
T55532001-60102-213	Máy vi tính xách tay ASUS	1		11.300,00		1,00			
T55532025003-60102-27	Máy tính xách tay	1		16.600,00	13.280,00	1,00			
T55532024-60102-158	Máy tính xách tay Dell màu bạc	1		20.000,00	16.000,00	1,00			
T55532003-60102-90	Máy tính xách tay Dell Inspiron 15 3520	1		14.500,00	11.600,00	1,00			
T55532021-60102-2	Máy tính HP (modem S01 - pF2034d)	1		14.730,00		1,00			
T55532025003-60102-12	Máy tính xách tay Dell	1		15.000,00					1,00
T55532022-60102-16	Máy tính xách tay	1		12.000,00		1,00			
T55042008043-60102-69	Máy tính xách tay Dell (phòng Hiệu trưởng)	1		15.000,00					
T55042008200-60102-66	Acer Aspire 3 A315 59 314F i3	1		12.990,00	2.598,00				
T55532025003-60102-28	Máy tính xách tay	1		16.600,00	13.280,00	1,00			
T55042008040-60102-81	Máy tính xách tay Dell Core i5	1		15.000,00	9.000,00	1,00			
T55532024-60102-3	Máy tính xách tay	1		15.000,00	3.000,00	1,00			
T55042008042-60102-135	Máy tính sách tay	1		14.750,00	8.850,00	1,00			
T55532025003-60102-29	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00			
T55042008040-60102-72	Máy tính xách tay Dell Core i5	1		15.000,00	6.000,00				
T55532025003-60102-13	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00			
T55532025003-60102-10	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S9	1		23.430,00	9.372,00	1,00			
T55532025003-60102-20	Máy tính xách tay Dell Inspiron	1		15.000,00	3.000,00	1,00			
T55532025003-60107-33	Điều hòa FUNIKI 18TMU.ST3	1		12.982,60	11.359,78	1,00			
T55532025003-60108-32	Bàn ghế xa lông Đồng Kỳ	1		11.375,00		1,00			
T55532001-60108-295	Bàn quây bộ phận một cửa	1		14.960,00		1,00			
T55532025003-60112-31	Máy Scan Brother	1		11.750,00		1,00			
T55532022-60312-6	Máy scan A3	1		80.000,00	64.000,00	1,00			
T55532021-60112-3	Máy Scan HP	1		11.750,00		1,00			
T55532022-60115-15	Máy tính kistok tra cứu thông tin xếp hàng tự	1		83.000,00		1,00			
T55532022-60115-19	Màn hình hiển thị lịch công tác (sảnh nhà LV UBND)	1		34.900,00	20.940,00	1,00			
4.2	<i>Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động</i>	73		2.504.716,39	1.361.080,99	39,00			
T55042008043-6020101-75	Máy tính để bàn FPT(Sở cấp)	1		14.540,00					
T55532001-60107-324	Điều hòa cây Media MFJJ 50CRN	1		36.164,00	31.643,50	1,00			
T55532001-60107-320	Điều hòa cây Funiki 50MMCI	1		37.672,80	32.963,70	1,00			
T55532001-6020107-210	Điều hòa Media 02 cục 01 chiều 48000BTU	1		35.659,00		1,00			
T55042008043-6020109-100	Bộ bàn ghế tiếp khách	1		23.000,00		1,00			

T55042008043-6020110-102	Bộ bàn ghế hội trường	1		27.980,00		1,00			
T55532001-60108-305	Bàn họp hội trường	1		24.970,00	21.848,75	1,00			
T55042008043-6020110-101	Bộ bàn quây văn phòng	1		14.500,00		1,00			
T55532001-60312-327	Máy scan HP Pro 3000S4	1		10.790,00	8.632,00	1,00			
T55532001-6020112-309	Máy Scan jet Pro	1		10.180,00					
T55042008042-6020201-112	Máy chiếu lớp 1C	1		10.500,00					
T55042008042-6020201-114	Máy chiếu lớp 1D	1		11.200,00					
T55532001-6020201-209	Máy chiếu ACER- MÃ SỐ: MC-SNID70700097959	1		30.000,00		1,00			
T55042008042-6020201-118	Máy chiếu lớp 2D	1		10.030,00					
T55042008042-604-86	Máy chiếu phòng cấp năm 2020	1		24.885,00					
T55042008040-6020201-73	Máy chiếu vật thể AVERVISION F50+	1		17.811,00	10.686,60	1,00			
T55042008040-6020201-78	Máy chiếu đa năng Viewsonic LS500WHE+ Màn chiếu treo tường kéo tay ATV70WS 100inch	1		17.990,00	10.794,00	1,00			
T55042008043-504-24	Máy chiếu LCD	1		28.075,00					
T55042008042-6020201-108	Máy chiếu 1E -22/23	1		11.200,00	2.240,00				
T55042008040-6020201-48	Máy chiếu CASIO - XJV2	1		24.885,00					
T55532001-6020201-298	Máy chiếu	1		12.000,00					
T55042008042-6020201-116	Máy chiếu lớp 1A	1		10.000,00					
T55042008043-6020201-73	Máy chiếu CASIO (Sở Giáo dục cấp)	1		24.885,00					
T55042008043-504-31	Máy chiếu HC30PT	1		19.860,00					
T55042008042-6020201-117	Máy chiếu lớp 2E	1		10.030,00					
T55042008042-6020201-107	Máy chiếu 1 D -22/23	1		11.200,00	2.240,00				
T55042008200-6020201-58	Máy chiếu + màn chiếu NEC NP-MC302XG +	1		26.800,00		1,00			
T55042008042-604-87	Máy chiếu phòng cấp N- 2020	1		24.885,00					
T55042008042-6020201-111	Máy chiếu lớp 1B	1		10.000,00					
T55042008042-6020201-113	Máy chiếu lớp 2B	1		11.500,00					
T55042008042-6020201-115	Máy chiếu lớp 2A	1		11.500,00					
T55042008043-6020201-72	Máy chiếu CASIO (Sở Giáo dục cấp)	1		24.885,00					
T55042008042-6020201-119	Máy chiếu lớp 1E	1		10.030,00					
T55042008043-6020201-93	Máy chiếu đa năng Viewsonic LS500WHE	1		17.990,00	10.794,00	1,00			
T55042008040-6020201-45	Máy chiếu CASIO - XJV2	1		24.885,00					
T55042008043-6020201-70	Máy chiếu Epson	1		17.800,00					
T55042008042-6020204-137	Ti vi sam sung	1		54.300,00	32.580,00	1,00			
T55042008043-6020204-80	Tivi LG 55inch (lớp 1, 2 Hòa Khê 1)	1		13.700,00					
T55532001-6020204-212	Màn hình hiển thị lịch công tác	1		34.900,00	20.940,00	1,00			
T55042008043-6020204-78	Tivi LG 50 inch (lớp 2A)	1		12.700,00					
T55042008043-6020204-98	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00			
T55042008043-6020204-99	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00			
T55042008043-6020204-96	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00			
T55042008043-6020204-79	Tivi LG 55inch (lớp 1, 2 Hòa Khê 1)	1		13.700,00					

T55532001-6020204-314	Bộ camera quan sát	1		19.880,00		1,00			
T55042008040-6020207-46	Đàn phím điện tử Kyybord YAMAHA (Sở GD	1		11.498,00					
T55532001-6020207-307	Loa kéo điện bass40 MK 1616, công suất 900W	1		14.500,00	5.800,00	1,00			
T55532001-6020207-302	Loa kéo điện bass40 MK 1616, công suất 900W	1		14.500,00	5.800,00	1,00			
T55532001-6020207-315	Loa kéo điện bass40 MK 1616, công suất 900W	1		14.500,00	5.800,00	1,00			
T55042008040-6020207-70	Bộ loa JBL 715	1		29.920,00	5.984,00				
T55042008043-6020207-94	Thiết bị âm thanh đa năng di động OONEPRO	1		10.900,00	6.540,00	1,00			
T55042008040-6020207-77	Thiết bị âm thanh đa năng di động OONEPRO	1		10.900,00	6.540,00	1,00			
T55532001-6020210-211	Tủ lạnh Inverter	1		13.000,00	7.800,00	1,00			
T55532022-6020214-23	Máy tính Kiosk tra cứu thông tin, xếp hàng tự động ComO	1		83.000,00					
T55532001-6020216-323	Camera giám sát	1		18.000,00	14.400,00	1,00			
T55532001-6020216-294	Bộ camera giám sát an ninh	1		119.000,00	67.433,33				
T55042008042-6020216-93	Hệ thống Camera giám sát	1		13.952,00					
T55042008200-6020216-70	Hệ thống camera giám sát an ninh	1		22.238,59	8.895,44				
T55042008043-6020221-76	Giá sách Inox 6 tầng (phòng Thư viện)	1		15.000,00	7.500,00				
T55042008043-6020221-77	Giá sách Inox 6 tầng (phòng Thư viện)	1		15.000,00	7.500,00				
T55532001-6020222-234	Trang âm nhà văn hóa (âm ly, loa đài) NVH xóm Ao Đậu	1		46.596,00	34.947,00	1,00			
T55532001-6020222-240	Trang âm nhà văn hóa (âm ly, loa đài) NVH xóm Tiền Phong	1		46.596,00	34.947,00	1,00			
T55532001-6020222-242	Đài truyền thanh ứng dụng CNTT- viễn thông dùng chung cho các xóm trên địa bàn xã Khe Mo	1		454.131,00	397.364,63	1,00			
T55532001-6020222-239	Trang âm nhà văn hóa (âm ly, loa đài) NVH xóm Long Giản	1		46.596,00	34.947,00	1,00			
T55042008043-6020222-95	Máy chiếu vật thể AVERVISION F50+	1		17.811,00	13.358,25	1,00			
T55532001-6020222-233	Thiết bị thể thao NVH xóm La Dẫy	1		46.623,60	34.967,70	1,00			
T55532001-6020222-237	Trang âm nhà văn hóa (âm ly, loa đài) NVH xóm Khe Mo 2	1		46.596,00	34.947,00	1,00			
T55042008043-6020222-103	Loa kéo Acnos KB62	1		10.000,00		1,00			
T55532001-6020222-325	Màn hình Led P2.5 + loa mic	1		320.758,40	280.663,60	1,00			
T55532001-6020222-238	Trang âm nhà văn hóa (âm ly, loa đài) NVH xóm La Đường	1		46.596,00	34.947,00	1,00			
T55532001-6020222-235	Trang âm nhà văn hóa (âm ly, loa đài) NVH xóm Ao Rôm 2	1		46.596,00	34.947,00	1,00			
T55532001-6020222-236	Trang âm nhà văn hóa (âm ly, loa đài) NVH xóm Đèo Khế	1		46.596,00	34.947,00	1,00			

T55532001-6020222-241	Trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật cho các Câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ xóm Làng Cháy	1		29.550,00	22.162,50	1,00			
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	24		743.135,83	590.615,10	24,00			
T55532001-60301-329	Máy tính để bàn Xigmatek XA-20	1		11.550,00	9.240,00	1,00			
T55532024-60301-160	Máy tính để bàn Xigmatek i350 200W	1		11.800,00	9.440,00	1,00			
T55532022-60301-27	Máy tính để bàn Xigmatek XA-20	1		11.550,00	9.240,00	1,00			
T55532023-60302-1	Máy tính xách tay Dell Core i5	1		18.150,00	14.520,00	1,00			
T55532022-60306-25	Máy photocopy Konica Minolta Bizhub	1		69.950,00	55.960,00	1,00			
T55042008040-6020115-76	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00			
T55042008040-6020115-74	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00			
T55042008040-6020115-75	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00			
T55532021-60322-21	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-11	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Phả Lý, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-12	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Cầu Mai, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-23	Cum loa truyền thanh thông minh của Trung tâm học tập cộng đồng xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-14	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Văn Hán, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-18	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Ba Quả, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-13	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm La Đùm, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-17	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Thịnh Lâm, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-6	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Áp Chè, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-10	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Văn Hòa, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-15	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Thịnh Đức 1, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-9	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Làng Cà, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-20	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Hòa Khê 1, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-8	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm Làng Hòa, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532021-60322-19	Cum loa truyền thanh thông minh của xóm La Đàn, xã Văn Hán	1		31.530,00	25.224,00	1,00			
T55532022-60337-26	Bàn quây bằng gỗ có trụ kính + tủ phụ	1		92.885,83	81.275,10	1,00			
4.4	Máy móc, thiết bị khác	7		139.117,00	37.647,75	4,00			
T55042008200-604-57	Bộ liên hoàn mái bi (Mâm non)	1		47.129,00	11.782,25	1,00			

T55042008043-60303-74	Keyboard - đàn phím điện tử (Sở cấp)	1		11.498,00	4.311,75				
T55042008200-604-59	Mâm quay 6 con giống (Mâm non)	1		17.869,00	4.467,25	1,00			
T55042008200-604-55	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ MN	1		11.914,00	2.978,50	1,00			
T55042008042-604-88	Đàn phím điện tử	1		11.498,00	2.874,50				
T55042008200-604-56	Bộ xích đu đa năng (Mâm non)	1		27.759,00	6.939,75	1,00			
T55042008042-604-92	Máy chiếu 2021	1		11.450,00	4.293,75				
<b>6</b>	<b>Tài sản cố định đặc thù</b>	<b>3</b>		<b>4.170.000,00</b>	<b>4.170.000,00</b>				
T55532001-139403-313	Đình Hoà Khê (Di tích cấp tỉnh)	1		70.000,00	70.000,00				
T55532001-139403-297	Đình Thịnh Đức (Di tích cấp tỉnh)	1		2.080.000,00	2.080.000,00				
T55532001-139403-312	Đình Văn Hán (Di tích cấp tỉnh)	1		2.020.000,00	2.020.000,00				
<b>7</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	<b>10</b>		<b>366.516,00</b>	<b>36.508,75</b>	<b>2,00</b>			
T55042008200-8-35	Mái tôn điểm Ao Rôm	1		66.440,00	8.305,00				
T55042008200-11-4	Nhà chòi cầu trượt đa năng	1		10.164,00					
T55042008200-8-44	Tủ com ga 15kg	1		17.920,00	4.480,00				
T55042008200-8-39	Xích đu cầu trượt	1		25.000,00	3.125,00				
T55042008200-8-38	Mâm 6 ngựa	1		19.450,00	2.431,25				
T55042008200-11-32	Mái tôn điểm trường Đèo Khê	1		71.402,00		1,00			
T55042008200-8-37	Nhà chơi 3 khối bí mật	1		56.300,00	7.037,50				
T55042008200-8-43	Tủ nấu com ga 25kg	1		19.980,00	4.995,00				
T55042008200-11-27	Bộ liên hoàn 3 khối cá vàng	1		63.500,00		1,00			
T55042008200-8-61	Tủ sấy bát	1		16.360,00	6.135,00				
<b>8</b>	<b>Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền)</b>	<b>12</b>		<b>158.600,00</b>	<b>66.880,00</b>	<b>7,00</b>			
T55042008200-1204-30	Phần mềm quản lý nuôi dưỡng Thái nguyên	1		10.000,00					
T55532003-1204-99	Phần mềm bức tường lửa thông minh SafeGate	1		14.300,00	11.440,00	1,00			
T55532022-1204-28	Phần mềm kế toán Misa Mimoso Online	1		11.000,00	8.800,00	1,00			
T55042008200-12-79	Phần mềm giải pháp tường lửa thông minh	1		14.300,00	11.440,00	1,00			
T55532021-1204-24	Phần mềm kế toán Misa online	1		11.000,00	8.800,00	1,00			
T55042008200-1204-14	Phần mềm kế toán	1		10.000,00					
T55532001-1204-292	Phần mềm điện tử cấp xã	1		35.000,00					
T55532023-1204-7	Phần mềm kế toán HCSN MISA Mimoso	1		11.000,00	8.800,00	1,00			
T55042008042-1204-17	Phần mềm kế toán Misa	1		10.000,00					
T55042008040-1204-19	Phần mềm kế toán MISA	1		10.000,00					
T55532024-1204-159	Phần mềm kế toán Misa	1		11.000,00	8.800,00	1,00			
T55532001-1204-318	Phần mềm kế toán Misa Mimoso Online	1		11.000,00	8.800,00	1,00			
	<b>Tổng số</b>	<b>444</b>	<b>97.880,79</b>	<b>165.320.617,10</b>	<b>113.820.071,93</b>	<b>75.556,00</b>			<b>3,00</b>